

QUY ĐỊNH
về quản lý, sử dụng Quỹ dự trữ tài chính đảng của Tỉnh ủy Hưng Yên

- Căn cứ Quy định số 01-QĐ/TW, ngày 03/02/2026 của Bộ Chính trị về chế độ đảng phí;
- Căn cứ Chỉ thị số 31-CT/TW ngày 02/4/1998 của Bộ Chính trị về công tác sản xuất kinh doanh bổ sung ngân sách đảng;
- Căn cứ Quy định số 305-QĐ/TW ngày 13/6/2025 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương;
- Căn cứ Quy định số 329-QĐ/TW ngày 13/6/2025 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương;
- Căn cứ Quy định số 298-QĐ/TW ngày 09/6/2025 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường, đặc khu;
- Căn cứ Quyết định số 3441-QĐ/VPTW ngày 30/12/2024 của Văn phòng Trung ương Đảng về thực hiện chế độ kế toán đối với các cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quy định số 4652-QĐ/TW ngày 31/12/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng Quy định khung quản lý, sử dụng Quỹ dự trữ tài chính đảng của các tỉnh ủy, thành ủy;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên nhiệm kỳ 2025-2030;
- Xét đề nghị của Văn phòng Tỉnh ủy tại Tờ trình số 54 -TTr/VPTU ngày 31/3/2026,

Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quy định về quản lý, sử dụng Quỹ dự trữ tài chính đảng của Tỉnh ủy Hưng Yên như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định về nguyên tắc quản lý, sử dụng Quỹ dự trữ tài chính đảng của Tỉnh ủy (được viết tắt là Quỹ dự trữ tài chính đảng).

2. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng Quỹ dự trữ tài chính đảng của Tỉnh ủy.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý sử dụng Quỹ dự trữ

1. Quỹ dự trữ ngân sách đảng của Tỉnh ủy được hình thành từ đảng phí và các nguồn thu hợp pháp theo quy định của Trung ương Đảng và pháp luật của Nhà nước.

2. Quỹ dự trữ tài chính đảng được quản lý theo các nguyên tắc:

- Quản lý chặt chẽ, hiệu quả, an toàn, minh bạch và bảo toàn tài chính (bảo đảm trong năm số thu lớn hơn số chi).

- Quỹ dự trữ tài chính đảng được hạch toán, theo dõi đầy đủ trên sổ kế toán, được quản lý, sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng; phù hợp với nội dung, tính chất của từng nguồn thu; bảo đảm nguyên tắc quản lý tài chính theo quy định hiện hành.

- Hằng năm hoạt động thu, chi Quỹ dự trữ tài chính đảng phải được tổng hợp, báo cáo Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh theo quy định của Điều lệ Đảng.

3. Quỹ dự trữ tài chính đảng được phép mở tài khoản giao dịch để thực hiện các hoạt động thu, chi và tài khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn để bổ sung nguồn thu Quỹ dự trữ tài chính đảng tại các ngân hàng thương mại có mức độ an toàn cao theo xếp hạng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, trong đó ưu tiên gửi tại ngân hàng thương mại có tính an toàn cao hơn, khả năng thanh khoản tốt hơn và có mức lãi suất cao hơn; bảo toàn, phát triển quỹ và đáp ứng kịp thời nhu cầu chi đột xuất của cấp ủy.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Nguồn hình thành Quỹ dự trữ

1. Thu đảng phí: Là phần đảng phí được trích giữ lại ở cấp tỉnh theo Quy định của Bộ Chính trị về chế độ đảng phí.

2. Nguồn thu hợp pháp khác của Đảng, bao gồm:

- Các nguồn thu từ bán, thanh lý tài sản tại các cơ quan, đơn vị của Đảng được hình thành từ nguồn kinh phí không thuộc nguồn ngân sách nhà nước theo quy định.

- Thu từ lãi tiền gửi.

- Khoản hỗ trợ từ Quỹ dự trữ tài chính đảng ở Trung ương.

- Các nguồn thu do tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, biếu, tặng, cho, viện trợ, tài trợ và các hình thức hợp pháp khác.

- Các khoản thu hợp pháp khác.

Điều 4. Nội dung chi từ Quỹ dự trữ

1. Các khoản chi từ nguồn thu đảng phí theo Quyết định của Bộ Chính trị về chế độ đảng phí:

a) Bổ sung chi hoạt động của Tỉnh ủy và các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy trong trường hợp phát sinh các nhiệm vụ chi đột xuất mà kinh phí thường xuyên trong năm không cân đối được; thực hiện các nhiệm vụ đặc thù công tác đảng của Tỉnh ủy được cấp trên giao bao gồm cả chi đối nội, đối ngoại) trong trường hợp không bố trí được từ ngân sách nhà nước.

b) Hằng năm, chi hỗ trợ cho các tổ chức đảng cấp dưới (tổng số kinh phí hỗ trợ tối đa không quá 50% trên tổng số đảng phí được để lại tại Quỹ dự trữ tài chính đảng sau khi đã trừ đi số phải nộp lên cấp trên trong năm) trong các trường hợp sau:

- Hỗ trợ hoạt động công tác đảng trong lãnh đạo, chỉ đạo khắc phục hậu quả, thăm hỏi đồng bào bị thiệt hại do thiên tai, bão lụt, dịch bệnh, thảm họa và các sự cố bất thường khác; chi thăm hỏi đồng bào chịu ảnh hưởng thiên tai, dịch bệnh, thảm họa và các sự cố bất thường khác.

- Thực hiện những nhiệm vụ chính trị đột xuất do Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy giao hoặc nhiệm vụ chính trị đột xuất của cấp ủy tỉnh trong trường hợp ngân sách nhà nước không bố trí được.

- Hỗ trợ bổ sung kinh phí hoạt động công tác đảng cho các tổ chức đảng cấp dưới thuộc các địa bàn có nhiều khó khăn về kinh tế; có điểm nóng về an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội (đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện, bảo đảm điều kiện làm việc; thực hiện chính sách đối với cán bộ lão thành cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, người có công,...).

c) Các khoản chi khác, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ủy quyền cho Thường trực Tỉnh ủy xem xét, quyết định, cụ thể:

- Chi thông tin tuyên truyền liên lạc, văn phòng phẩm,

- Chi tiền xăng xe cho các đoàn kiểm tra, giám sát của cấp ủy,

- Chi khen thưởng cho cá nhân, tập thể có thành tích đột xuất trong công tác xây dựng đảng,

- Chi hỗ trợ cho các đối tượng đặc biệt khác: Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chi đặc biệt, đặc thù của đảng bộ tỉnh.

2. Các khoản chi Quỹ dự trữ tài chính đảng từ nguồn thu hợp pháp khác của Đảng:

a) Chi đặc biệt phục vụ hoạt động của Đảng bộ tỉnh (bao gồm nhiệm vụ đối ngoại của Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy); thực hiện một số chính sách đặc thù đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước công tác, sinh sống trên địa bàn tỉnh (kể cả đương chức và

nguyên chức); cán bộ lão thành cách mạng; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; các chức sắc tôn giáo; người có công hoặc có đóng góp đặc biệt cho công tác xây dựng Đảng.

Mức chi thực hiện chính sách đặc thù (ngoài định mức các chính sách khác đã áp dụng) cho đối tượng nêu trên tùy thuộc vào nguồn thu còn lại (trừ nguồn thu từ đảng phí và khoản từ Quỹ dự trữ tài chính đảng Trung ương hỗ trợ) do Thường trực Tỉnh ủy xem xét, quyết định mức hỗ trợ từng đối tượng cụ thể.

b) Đầu tư, mua sắm bổ sung, sửa chữa tài sản, trang thiết bị và phương tiện làm việc phục vụ hoạt động của cấp ủy; các cơ quan, đơn vị tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định (trong trường hợp dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước trong năm chưa bố trí hoặc bố trí chưa đủ).

c) Hỗ trợ bổ sung kinh phí đầu tư, mua sắm trang thiết bị và phương tiện làm việc phục vụ hoạt động của các tổ chức đảng cấp dưới.

d) Trợ cấp, hỗ trợ có tính chất phúc lợi đối với cán bộ, công chức và người lao động trong các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy vào các dịp lễ, tết, ngày kỷ niệm; chi làm thêm giờ; chi phụ cấp cho cán bộ làm công tác thu, nộp đảng phí của toàn đảng bộ theo quy định; chi một số khoản phục vụ cho công tác quản lý và phát triển quỹ dự trữ từ một phần nguồn thu lãi tiền gửi.

Mức chi tùy theo khả năng cân đối từ nguồn quỹ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ủy quyền cho Thường trực Tỉnh ủy xem xét, quyết định chi phúc lợi cho cán bộ, công chức, người lao động trong các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy và một số đối tượng đặc biệt.

e) Tạm ứng kinh phí để giải quyết, đẩy nhanh tiến độ các nhiệm vụ, hoạt động cần thiết, đột xuất (bao gồm cả chi đầu tư) thuộc trách nhiệm ngân sách nhà nước bảo đảm, nhưng chưa được cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí kịp thời; kinh phí tạm ứng từ Quỹ dự trữ tài chính đảng phải được hoàn trả ngay khi được cấp có thẩm quyền giao dự toán ngân sách nhà nước.

f) Các khoản chi khác, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ủy quyền cho Thường trực Tỉnh ủy xem xét, quyết định.

Điều 5. Trách nhiệm và quyền hạn của các tổ chức, cá nhân trong quản lý, sử dụng Quỹ dự trữ tài chính đảng

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy

a) Quyết định các nội dung:

- Chủ trương về việc chuyển nhượng, bán, chuyển đổi hình thức quản lý, khai thác các cơ sở nhà, đất, tài sản dôi dư; các cơ sở được xem xét thấy việc sử dụng, khai thác kém hiệu quả.

- Chủ trương và phê duyệt dự án sử dụng Quỹ dự trữ để đầu tư tăng cường cơ sở vật chất phục vụ hoạt động và phúc lợi của các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy có giá trị từ 20 tỷ đồng trở lên.

- Sử dụng Quỹ dự trữ thực hiện các nhiệm vụ đối ngoại; thực hiện chính sách cán bộ; cán bộ lão thành cách mạng, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, chức sắc tôn giáo, dân tộc, người có công hoặc đóng góp đặc biệt cho công tác xây dựng Đảng nhân dịp ngày lễ, tết của dân tộc, của tôn giáo.

- Trường hợp đột xuất khác (theo phân công, phân cấp).

b) Ủy quyền cho Thường trực Tỉnh ủy:

- Quyết định các khoản chi và hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức đảng trực thuộc theo Quyết định của Bộ Chính trị về chế độ đảng phí.

- Thực hiện các nội dung chi theo Điều 4 Quy chế này.

- Quyết định khoản chi nêu trên có giá trị từ 10 tỷ đến 20 tỷ đồng.

2. Đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy:

- Thực hiện nhiệm vụ về quản lý, sử dụng Quỹ dự trữ thuộc thẩm quyền quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy khi được phân công, ủy quyền theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh.

- Quyết định chi hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức đảng trực thuộc theo Quyết định của Bộ Chính trị về chế độ đảng phí.

- Bổ sung chi hoạt động theo Quyết định của Bộ Chính trị về chế độ đảng phí.

- Chi đặc biệt, đặc thù của đảng bộ tỉnh, gồm: Hoạt động đối ngoại của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy (quảng bá, giới thiệu, tặng lưu niệm khách Trung ương, khách tình bạn, khách quốc tế đến làm việc các sản phẩm nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đặc hữu, sản phẩm đạt chứng nhận OCOP của tỉnh); chính sách đặc thù đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, cán bộ cấp cao của Đảng, Nhà nước đang sinh sống trên địa bàn tỉnh.

- Quyết định các nội dung chi theo Điều 4 Quy chế này.

- Các nhiệm vụ chi đột xuất khác (theo phân công, phân cấp).

- Quyết định khoản chi nêu trên có giá trị dưới 10 tỷ đồng.

3. Văn phòng Tỉnh ủy

a) Văn phòng Tỉnh ủy là cơ quan tài chính đảng của Tỉnh ủy, thừa ủy quyền của cấp ủy tỉnh trực tiếp quản lý Quỹ dự trữ tài chính đảng của Tỉnh ủy; tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy trong việc quản lý, sử dụng Quỹ dự trữ tài chính đảng đúng quy định.

b) Xác định các khoản thu, chi và trực tiếp tổ chức thực hiện các khoản thu, chi theo quyết định của cấp có thẩm quyền, bảo đảm đúng quy định hiện hành của Đảng, pháp luật nhà nước.

c) Thực hiện cấp phát, quản lý việc sử dụng kinh phí từ Quỹ dự trữ tài chính đảng cấp cho các cơ quan, đơn vị theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

d) Ký kết các hợp đồng gửi tiền có kỳ hạn với các ngân hàng thương mại; ký các chứng từ thu, chi, các hồ sơ liên quan đến các giao dịch phát sinh từ Quỹ dự trữ tài chính đảng.

e) Tổ chức thực hiện theo dõi, phản ánh đầy đủ, kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo quy định.

f) Hằng năm, tổ chức hạch toán, phản ánh đầy đủ, đúng nguyên tắc, chế độ trên hệ thống kế toán; lưu trữ hồ sơ, chứng từ có liên quan theo đúng quy định; tổng hợp báo cáo quyết toán định kỳ, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy tình hình thu, chi Quỹ dự trữ tài chính đảng cùng Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước để báo cáo Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh theo quy định của Điều lệ Đảng. Đồng thời gửi Báo cáo tình hình thu, chi, số dư Quỹ dự trữ tài chính đảng cùng báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước về Văn phòng Trung ương Đảng để theo dõi và tổng hợp.

4. Các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy và các cơ quan, đơn vị được tiếp nhận kinh phí từ Quỹ dự trữ tài chính đảng có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích và hạch toán, phản ánh đầy đủ, đúng nguyên tắc, chế độ trên hệ thống sổ kế toán và báo cáo quyết toán tài chính định kỳ.

Điều 6. Công tác kế toán đối với Quỹ dự trữ tài chính đảng

1. Việc mở sổ kế toán để theo dõi và hạch toán kế toán đối với Quỹ dự trữ tài chính đảng được thực hiện trên cùng hệ thống kế toán đơn vị dự toán cấp I (Văn phòng Tỉnh ủy).

2. Một số nghiệp vụ hạch toán chủ yếu thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 3441-QĐ/VPTW ngày 30/12/2024 của Văn phòng Trung ương Đảng về thực hiện chế độ kế toán đối với các cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Điều 7. Báo cáo tình hình thu, chi Quỹ dự trữ tài chính đảng

1. Hằng năm, trên cơ sở báo cáo của Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy báo cáo tình hình thu, chi Quỹ dự trữ tài chính đảng cùng Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước tại Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

2. Văn phòng Tỉnh ủy gửi Báo cáo tình hình thu, chi Quỹ dự trữ tài chính đảng cùng Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước về Văn phòng Trung ương Đảng để theo dõi và tổng hợp.

Điều 8. Kiểm tra, giám sát công tác quản lý, sử dụng Quỹ dự trữ tài chính đảng

1. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy thực hiện kiểm tra việc quản lý, sử dụng Quỹ dự trữ tài chính đảng của các đảng ủy xã, phường theo chương trình kiểm tra thường xuyên hoặc đột xuất.

2. Việc giám sát tình hình quản lý, sử dụng Quỹ dự trữ tài chính đảng được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy thực hiện trong chương trình, kế hoạch giám sát hàng năm.

Chương III **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Quy định này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1711-QĐ/TU, ngày 03/9/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về ban hành Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ dự trữ ngân sách đảng.

2. Văn phòng Tỉnh ủy căn cứ Quy định số 4652-QĐ/VPTW ngày 31/12/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng và Quy định này hướng dẫn các đảng ủy xã, phường ban hành quy định, chế độ báo cáo về quản lý, sử dụng Quỹ dự trữ tài chính đảng phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

3. Văn phòng Tỉnh ủy, các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan thực hiện nghiêm túc Quy định này.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, đề nghị các đơn vị gửi ý kiến bằng văn bản về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Văn phòng Tỉnh ủy) để xem xét, nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với chế độ, chính sách quy định của Đảng, Nhà nước và tình hình thực tế.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương Đảng
 - Ủy ban Kiểm tra TW Đảng
 - Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,
 - Các ban đảng tỉnh,
 - Các đảng ủy xã, phường,
 - Các đ/c UV BTVTU,
 - Lãnh đạo VPTU,
 - Phòng Tài chính đảng,
 - Lưu VPTU.
- } (để báo cáo),

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC



Trần Quốc Toàn